

CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN 2018: NHÌN LẠI TỪ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

THE 2018 LANGUAGE ARTS AND LITERATURE CURRICULUM: A REVIEW FROM INTERNATIONAL EXPERIENCE

Bùi Mạnh Hùng^{1,*}

DOI: <http://doi.org/10.57001/huiv5804.2024.318>

TÓM TẮT

Bài báo phân tích những đổi mới nổi bật trong Chương trình Ngữ văn mới (2018) của Việt Nam, vốn được học hỏi từ kinh nghiệm xây dựng chương trình của các nước phát triển, thể hiện xu hướng hội nhập quốc tế của chương trình này. Bên cạnh đó, bài báo cũng trình bày những khác biệt đáng kể của Chương trình Ngữ văn 2018 so với chương trình các nước; và nêu một số gợi ý nhằm phát triển chương trình trong tương lai.

Từ khóa: Chương trình Ngữ văn, phát triển năng lực, kĩ năng ngôn ngữ (đọc, viết, nói, nghe).

ABSTRACT

The article analyzes the notable innovations in Vietnam's new Language arts and Literature Curriculum (2018), which draws from the experience of curriculum development in developed countries, reflecting the international integration trend of this program. In addition, the article also presents significant differences between the 2018 Language arts and Literature Curriculum of Vietnam and those of other countries and offers some suggestions for future curriculum development.

Keywords: Language arts and Literature Curriculum, competency development, language skills (reading, writing, speaking, listening).

¹Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

*Email: buimanhhung@hcmup.edu.vn

Ngày nhận bài: 10/9/2024

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 22/10/2024

Ngày chấp nhận đăng: 28/10/2024

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chương trình (CT) Ngữ văn mới của Việt Nam được ban hành tháng 12 năm 2018 (từ đây viết tắt là CT Ngữ văn 2018). Cũng như CT Giáo dục phổ thông nói chung, CT Ngữ văn 2018 được xây dựng theo mô hình phát triển năng lực, nhằm giúp học sinh (HS) hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực mà nhà trường kì vọng. Ngoài những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

được quy định cho tất cả các môn học và hoạt động giáo dục, CT Ngữ văn có mục tiêu nhắm đến các năng lực đặc thù của môn học, đó là năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học (một biểu hiện đặc thù của năng lực thẩm mĩ thể hiện trong môn Ngữ văn).

CT Ngữ văn 2018, một mặt, thể hiện rõ nét xu hướng chung trong xây dựng CT Ngữ văn trên thế giới; mặt khác, CT cũng có những nét đặc thù, xuất phát từ truyền thống dạy học Ngữ văn và bối cảnh cụ thể của Việt Nam xét trên nhiều phương diện. Bài báo này phân tích để làm rõ kinh nghiệm của một số nước phát triển như Hoa Kỳ, Australia, Hàn Quốc, ... đã được vận dụng như thế nào vào việc xây dựng CT Ngữ văn 2018 của Việt Nam, trình bày những điểm khác biệt đáng kể của CT này so với CT các nước; đồng thời, từ kinh nghiệm quốc tế, nêu một số gợi ý nhằm phát triển CT trong tương lai.

2. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT CỦA CT NGỮ VĂN 2018

2.1. CT Ngữ văn 2018 có nhiều điểm mới. Sau đây là những điểm mới nổi bật nhất, được nêu trong phần Đặc điểm môn học và Quan điểm xây dựng CT [3].

a. Ngữ văn là môn học mang tính công cụ và tính thẩm mĩ - nhân văn; giúp HS hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm), bồi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách, phát triển cá tính; và những năng lực cốt lõi, trong đó có các năng lực chung (năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo) và năng lực đặc thù (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học).

b. CT lấy việc rèn luyện các kĩ năng ngôn ngữ và rộng hơn là năng lực giao tiếp (đọc, viết, nói và nghe) làm trục chính xuyên suốt cả ba cấp học nhằm đáp ứng yêu cầu của CT theo định hướng năng lực và bảo đảm tính chính thể, sự nhất quán liên tục trong tất cả các cấp học, lớp học. Các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung cũng như

năng lực văn học đều được phát triển thông qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe. Các kiến thức phổ thông cơ bản, nền tảng về tiếng Việt và văn học được tích hợp vào nội dung hoạt động dạy học tiếp nhận và tạo lập văn bản; phục vụ trực tiếp cho yêu cầu rèn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

c. CT được xây dựng theo hướng mở, thể hiện ở việc không quy định chi tiết về nội dung dạy học mà chỉ đặt ra những yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe cho mỗi lớp; quy định một số kiến thức cơ bản, cốt lõi về tiếng Việt, văn học và một số văn bản có vị trí, ý nghĩa quan trọng của văn học dân tộc là nội dung thống nhất bắt buộc đối với HS toàn quốc.

Theo định hướng mở, ngữ liệu được đưa vào sách giáo khoa (SGK), tùy thuộc nhiều vào sự lựa chọn của các nhóm soạn sách miễn là đáp ứng yêu cầu cần đạt được thể hiện trong CT ở các lớp và một số quy định chung về tiêu chí đối với ngữ liệu được đưa vào sách. Cùng với định hướng mở về ngữ liệu là sự gia tăng tỉ lệ các văn bản phi hư cấu, chủ yếu là các văn bản nghị luận và văn bản thông tin. Bên cạnh văn bản được thể hiện bằng ngôn ngữ, các văn bản đa phương thức cũng được sử dụng để giúp HS phát triển kĩ năng tiếp nhận và thể hiện ý tưởng, cảm xúc bằng hình ảnh, sơ đồ, số liệu,... vốn là những kĩ năng quan trọng trong thời đại công nghệ phát triển, làm thay đổi sâu sắc môi trường giao tiếp cũng như môi trường sống nói chung.

d. CT Ngữ văn 2018 đòi hỏi sự thay đổi căn bản về phương pháp dạy học và hoạt động kiểm tra, đánh giá. Căn cứ vào CT, giáo viên chủ động, linh hoạt tổ chức hoạt động dạy học theo định hướng: 1) Tăng cường dạy học tích hợp và dạy học phân hóa; 2) Rèn luyện cho HS phương pháp đọc, viết, nói và nghe và tạo cơ hội cho HS được đọc, viết, nói và nghe (trao đổi, thảo luận, thuyết trình,...) để phát triển kĩ năng sử dụng ngôn ngữ; 3) Tăng cường, phát huy tính tích cực, tự chủ, sáng tạo của HS. Việc đổi mới phương pháp dạy học phải đáp ứng được yêu cầu không chỉ phát triển ở HS các năng lực đặc thù của môn Ngữ văn mà còn giúp HS phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung.

Theo định hướng của CT thì hoạt động kiểm tra, đánh giá phải đổi mới từ mục tiêu đến căn cứ, nội dung, phương pháp và hình thức. Để thực sự đánh giá được phẩm chất và năng lực của người học, đánh giá quá trình cũng như đánh giá định kì phải được chú trọng. Mở rộng phạm vi ngữ liệu (ngoài văn bản văn học) và chú ý dùng ngữ liệu mới là một điểm mới đáng chú ý trong kiểm tra, đánh giá được quy định trong CT Ngữ văn 2018. Việc kiểm

tra, đánh giá cần phải chú trọng vào khả năng đọc hiểu nhiều kiểu loại văn bản đa dạng, khả năng biểu đạt ý tưởng và thông qua đó đánh giá được khả năng tư duy, khả năng nhận thức về con người và cuộc sống của HS.

2.2. Việc khẳng định “Ngữ văn là môn học mang tính công cụ và tính thẩm mỹ - nhân văn” là một bước chuyển quan trọng vì trước đây và ngay cả hiện nay vẫn có nhiều người vẫn đồng nhất Ngữ văn, một môn học ở phổ thông, với Ngữ văn, sự kết hợp hai chuyên ngành khoa học Việt ngữ học và Nghiên cứu văn học. Hiện vẫn không ít người nghĩ rằng Ngữ văn trong nhà trường phổ thông thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn tương tự Lịch sử, Địa lí,... Quan niệm đó đề cao vai trò của kiến thức lí luận về ngôn ngữ học và nghiên cứu văn học trong CT và SGK và chú trọng trang bị những kiến thức cho HS, thậm chí coi là như là mục tiêu cơ bản của môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông.

Quan điểm mới về đặc điểm của môn học (mang tính công cụ và tính thẩm mỹ - nhân văn) gắn với sự chuyển đổi mục tiêu của CT Ngữ văn 2018: từ cung cấp kiến thức cho người học sang giúp HS hình thành và phát triển những phẩm chất tốt đẹp cũng như các năng lực cốt lõi để sống, làm việc hiệu quả và để học tập suốt đời. Trong các năng lực cốt lõi, ngoài năng lực đặc thù, CT còn chú trọng giúp HS hình thành và phát triển các năng lực chung. Đây là điểm khác biệt rất đáng kể của CT Ngữ văn lần này so với những CT Ngữ văn trước đây.

Sự thay đổi về mục tiêu giáo dục này của môn Ngữ văn làm thay đổi toàn bộ các phần còn lại của CT, từ cấu trúc CT, nội dung dạy học, phương pháp dạy học và hoạt động kiểm tra đánh giá. Đặc biệt, việc chú ý đến các năng lực được ưu tiên hàng đầu trong số những năng lực cần thiết trong thế kỉ 21 như năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo sẽ dẫn đến thay đổi định hướng lựa chọn ngữ liệu và cách khai thác ngữ liệu, tổ chức các hoạt động dạy học để HS có được những năng lực đó.

3. NHỮNG DẤU ẤN CỦA KINH NGHIỆM QUỐC TẾ TRONG CT NGỮ VĂN 2018

Những đặc điểm nổi bật được tóm lược trên đây thể hiện tinh thần đổi mới chủ đạo của CT Ngữ văn 2018, đó là kết quả của việc học hỏi kinh nghiệm quốc tế. CT Ngữ văn 2018 được xây dựng trong bối cảnh CT Ngữ văn của nhiều quốc gia phát triển mới được xây dựng lại và áp dụng vào nhà trường. Nhờ đó, những kinh nghiệm mà Việt Nam học hỏi được có tính cập nhật cao. Cụ thể, dự án đổi mới giáo dục phổ thông của Hoa Kỳ vào đầu những năm 2010 được biết đến với tên gọi “Common Core State

Standards" (Hệ thống chuẩn cốt lõi), CT Ngữ văn (Tiếng Anh) của một số tiểu bang của Hoa Kỳ (có ảnh hưởng lớn trong lĩnh vực xây dựng CT giáo dục phổ thông) như California, Texas, Massachusetts,... (Thành tựu xây dựng CT giáo dục phổ thông của Hoa Kỳ thể hiện rõ nét nhất qua Hệ thống chuẩn cốt lõi và CT của các tiểu bang tiêu biểu này); CT Ngữ văn (Tiếng Anh) của Australia; CT Ngữ văn (Quốc ngữ) của Hàn Quốc;... đã có những gợi ý có giá trị đối với Việt Nam.

3.1. Sau đây là một số xu thế chung và chủ đạo trong phát triển CT Ngữ văn các nước phát triển và cũng là định hướng cơ bản đặt nền tảng cho CT Ngữ văn 2018 của Việt Nam.

a. Xây dựng CT theo mô hình phát triển năng lực. Theo mô hình CT này, Hệ thống chuẩn cốt lõi cũng như CT Ngữ văn của một số tiểu bang của Hoa Kỳ (California, Texas, Massachusetts,...) và CT Ngữ văn của các nước như Australia, Hàn Quốc,... và đều lấy đọc, viết, nói và nghe làm các trục chính để triển khai nội dung CT các lớp. Tuy vậy, trật tự các mạch của CT gắn với các kĩ năng có những khác biệt ở mức độ nhất định. Cụ thể, trong khi Hệ thống chuẩn cốt lõi và CT của nhiều tiểu bang ở Hoa Kỳ thiết kế các mạch chính theo trật tự Đọc, Viết, Nói, Nghe và mạch Ngôn ngữ thì CT Ngữ văn của Australia thiết kế các mạch chính theo trật tự Ngôn ngữ, Văn học, Giao tiếp (Literacy), trong Giao tiếp có các kĩ năng sắp xếp theo trật tự: tiếp nhận (nghe và đọc), tạo lập (nói và viết). CT Ngữ văn của Hàn Quốc thiết kế các mạch chính theo trật tự Nghe, Nói, Đọc, Viết và hai mạch chuẩn kiến thức (thể hiện bằng các ngữ động từ) về Ngữ pháp (hiểu theo nghĩa rộng là Ngôn ngữ) và Văn học.

Những khác biệt về cấu trúc, trật tự sắp xếp các thành tố trong CT của một số nước như trên cho thấy trong sự thống nhất ở mục tiêu và mô hình CT phát triển năng lực (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học của người học), có một sự đa dạng đáng kể ở cách triển khai cụ thể trong những CT khác nhau.

Như đã thấy ở trên, khác với các CT Ngữ văn của Hoa Kỳ, CT Ngữ văn của Australia có hai mạch riêng biệt cho Ngôn ngữ và Văn học. Cấu trúc này làm cho CT có phần chông chéo giữa một số yêu cầu cần đạt về ngôn ngữ, về văn học với một số yêu cầu cần đạt về giao tiếp. CT Ngữ văn của Hàn Quốc cũng có nét tương đồng. Do tách văn học thành một mạch riêng, nhiều yêu cầu cần đạt về đọc, viết có liên quan đến văn học có phần trùng lặp với yêu cầu cần đạt ở các mạch Đọc, Viết, Nói và Nghe. Trật tự sắp xếp Nghe, Nói, Đọc, Viết như trong CT Ngữ văn của Hàn Quốc có vẻ phù hợp với dạy học ngoại ngữ hơn là dạy học

tiếng mẹ đẻ. Tuy thụ đắc tiếng mẹ đẻ hay học ngoại ngữ thì đều bắt đầu từ nghe, sau đó là nói, rồi đọc và viết, nhưng thứ tự ưu tiên cũng như logic triển khai các hoạt động dạy học thì không phải hoàn toàn theo đúng trật tự như trong quá trình thụ đắc hay học ngôn ngữ. Khác với các CT Ngữ văn của Hoa Kỳ, cách sắp xếp theo trật tự Nghe, Nói, Đọc, Viết trong CT Ngữ văn của Hàn Quốc không thể hiện đúng trật tự ưu tiên trong dạy học tiếng mẹ đẻ và không thuận lợi cho việc tích hợp các kĩ năng ngôn ngữ dựa trên kĩ năng chính là đọc.

Tuy có một số tương đồng trong cụ thể hóa cấu trúc, CT Ngữ văn của Australia và của Hàn Quốc có một số khác biệt đáng kể: 1) CT Ngữ văn của Australia đặt các mạch liên quan đến kĩ năng giao tiếp sau mạch Ngôn ngữ và mạch Văn học thay vì trước mạch Ngôn ngữ và mạch Văn học như CT Ngữ văn của Hàn Quốc; 2) Cách thức sắp xếp hệ thống các yêu cầu cần đạt thể hiện khá rõ dấu ấn của Ngôn ngữ học chức năng hệ thống (systemic functional linguistics), điều làm nên đặc trưng của CT Australia so với CT của các nước khác [8].

b. Quy định ngữ liệu mở, tạo không gian sáng tạo cho tác giả SGK và giáo viên trong việc lựa chọn ngữ liệu. Việc cho HS được lựa chọn một cuốn sách nào đó để đọc và trình bày trong nhóm hay trước lớp cũng là một kinh nghiệm phổ biến ở các nước phát triển và đã được tiếp thu trong CT Ngữ văn 2018, thể hiện cụ thể qua yêu cầu đọc mở rộng được thiết kế xuyên suốt trong CT từ lớp 1 đến lớp 12.

c. Văn bản được lựa chọn theo độ phức tạp tăng dần qua từng lớp và cấp học, giúp HS từng bước nâng cao kĩ năng đọc. CT chú ý cả văn bản văn học, văn bản nghị luận và văn bản thông tin. Tuy không có quy định tỉ lệ các văn bản nghị luận và văn bản thông tin được tăng dần qua các cấp học như Hệ thống chuẩn cốt lõi của Hoa Kỳ, nhưng CT Ngữ văn 2018, cũng như CT Ngữ văn của nhiều nước, có định hướng chung là tăng tỉ lệ văn bản nghị luận và văn bản thông tin so với hiện nay. Coi việc đọc hiểu văn bản là trung tâm của bài học. Thiết kế hoạt động dạy học sao cho có thể giúp HS đọc các văn bản theo mức độ phức tạp tăng dần qua từng lớp, từng cấp học.

d. Một số định hướng về phương pháp dạy học Ngữ văn được phổ biến trong CT cũng như thực tiễn dạy học của các nước phát triển đã được lĩnh hội trong CT Ngữ văn 2018, cụ thể: Không thay thế việc đọc văn bản bằng giảng giải, không đọc hộ HS; hỏi những câu hỏi bám sát vào văn bản; tạo cơ hội cho HS nghiên cứu, làm các bài tập lớn (viết có nhận định và bằng chứng); thường xuyên tạo cơ hội cho HS trao đổi, chia sẻ các ý tưởng, bằng chứng và

kết quả nghiên cứu, tạo cơ hội cho các em nói về những phát hiện của mình.

đ. Chú ý kết nối, phối hợp giữa các môn học trong việc giúp HS phát triển kĩ năng đọc, viết, nghe, nói của HS. Ở Việt Nam lâu nay, dạy học tiếng Việt chỉ được coi là trách nhiệm của các giáo viên Ngữ văn. CT GDPT 2018 vừa ban hành đã chú trọng đến sự đóng góp của nhiều môn học khác như Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, Khoa học, Toán vào việc giúp HS phát triển năng lực ngôn ngữ. Điều đó đã được thể hiện qua một số yêu cầu cần đạt có liên quan đến kĩ năng ngôn ngữ trong CT của các môn học này.

e. Ngoài cách tiếp cận chung, nhiều yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe trong CT Ngữ văn 2018 cũng đã được thiết kế dựa trên cơ sở tham khảo CT Ngữ văn của nhiều nước, trong đó đáng kể nhất là của Hoa Kỳ, Australia và Hàn Quốc.

3.2. Bên cạnh những đổi mới cập nhật xu thế chung trong xây dựng CT Ngữ văn của thế giới, CT Ngữ văn 2018 cũng đã tiếp thu một số nội dung được coi là thế mạnh trong CT Ngữ văn của một số nước. Những nội dung này không hẳn tất cả đều là điểm hoàn toàn khác biệt mà có thể chỉ là những ưu tiên, được thể hiện nổi trội hơn trong những CT này so với các CT khác.

a. Trước hết là các CT Ngữ văn của Hoa Kỳ, kể cả Hệ thống chuẩn cốt lõi. Như đã trình bày trên đây, cấu trúc, trật tự sắp xếp các thành tố trong các CT Ngữ văn của Hoa Kỳ có khác biệt so với CT Ngữ văn của Australia và Hàn Quốc. Việc sắp xếp các mạch theo trật tự Đọc, Viết, Nói, Nghe và Ngôn ngữ như trong các CT Ngữ văn của Hoa Kỳ làm cho cấu trúc của CT đơn giản, mạch lạc và hợp lí hơn. Mạch Ngôn ngữ bao gồm những yêu cầu về kiến thức được phân chia tương ứng với các cấp độ, bình diện của hệ thống ngôn ngữ: ngữ âm - chính tả, từ vựng, ngữ pháp,... CT Ngữ văn 2018 đã lựa chọn cấu trúc gồm các mạch Đọc, Viết, Nói và Nghe như các CT của Hoa Kỳ. Các kĩ năng được thiết kế thành những phần riêng, nhưng ngay từ cấp độ CT, sự kết nối giữa các kĩ năng đã được chú trọng. Trong thực tế biên soạn SGK và tổ chức hoạt động dạy học thì các kĩ năng ấy được định hướng tích hợp với nhau chặt chẽ hơn. Việc tích hợp lấy hoạt động đọc làm nền tảng; hoạt động viết được triển khai trên cơ sở những gì đã đọc, nói và nghe được triển khai trên cơ sở những gì đã đọc và viết.

Khác với quy định mở hoàn toàn về ngữ liệu trong CT của nhiều nước phát triển, các CT của Hoa Kỳ có quy định một số ngữ liệu bắt buộc, bao gồm tác phẩm của những tác gia lớn như Shakespeare và một số nhà lập quốc. Việt

Nam tiếp thu kinh nghiệm này và đã quy định 6 tác phẩm bắt buộc trong CT gồm: Nam quốc sơn hà, Hịch tướng sĩ, Bình Ngô đại cáo, Truyện Kiều, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Tuyên ngôn Độc lập.

Về phương pháp dạy học, các CT Ngữ văn của Hoa Kỳ chú trọng giúp HS tự đọc kĩ văn bản, chú ý nhiều hơn đến khả năng phân tích, suy luận, đưa bằng chứng trong các văn bản được đọc làm cơ sở cho các nhận định, phân tích; giáo viên chỉ đóng vai trò dẫn dắt, nêu vấn đề để trao đổi, tranh luận. Giáo viên có thể gợi ý các chi tiết trong văn bản để giúp HS củng cố các lập luận và phân tích của mình. Nói về việc dạy học các kĩ năng, David Coleman (thành viên nhóm xây dựng hệ thống Chuẩn cốt lõi môn Ngữ văn của Hoa Kỳ) cho rằng HS phải đọc văn bản như các thám tử và viết các văn bản như các phóng viên điều tra. Nghĩa là khi đọc, phải tìm kĩ các bằng chứng, sẫm soi các chi tiết, dùng nó để giải quyết vấn đề và hiểu đầy đủ hơn thế giới xung quanh; khi viết, phải viết rõ ràng, có bằng chứng, lập luận, phân tích. Về kĩ năng nói và nghe, CT phải giúp HS phát triển kĩ năng trình bày, thuyết trình và nắm bắt, đánh giá các thông tin, ý tưởng. Về ngôn ngữ, CT chú trọng yêu cầu HS hiểu nghĩa của từ, cảm nhận được sự khác biệt về sắc thái của từ, từng bước mở rộng vốn từ. Vốn từ và kiến thức về cách dùng ngôn ngữ được trình bày ở một phần riêng, nhưng HS không học những kiến thức ấy một cách tách biệt mà thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe. Nói chung, việc dạy học Ngữ văn ở các nước phát triển đều chú trọng rèn luyện những kĩ năng này cho HS. Nhưng các CT của Hoa Kỳ, đặc biệt là hệ thống Chuẩn cốt lõi, có sự quan tâm đặc biệt và coi đây là giải pháp để nâng cao kĩ năng sử dụng ngôn ngữ của HS [6].

Hệ thống Chuẩn cốt lõi cũng như CT của nhiều tiểu bang của Hoa Kỳ có một số phụ lục, chẳng hạn phụ lục các văn bản mẫu để xác định độ khó của văn bản thích hợp với từng lớp học, phụ lục các tác phẩm văn học, văn bản được dùng như những thông tin tham khảo vừa giúp địa phương, nhà trường và giáo viên có định hướng lựa chọn văn bản để dạy học vừa tạo một không gian tự do cho họ có những quyết định riêng. CT Ngữ văn 2018 đã thiết kế một phụ lục tương tự. Ngoài 6 tác phẩm bắt buộc và một số tác phẩm bắt buộc lựa chọn, CT có một danh mục văn bản (ngữ liệu) gợi ý lựa chọn ở các lớp [3].

b. Bên cạnh các CT Ngữ văn của Hoa Kỳ, một số thế mạnh của CT Ngữ văn Australia cũng đã được CT Ngữ văn 2018 tham khảo và tiếp thu. CT Ngữ văn của Australia: a) đặc biệt chú ý đến mô hình chức năng khi tiếp cận ngôn ngữ (functional model of language), và b) ứng dụng mô

hình chức năng để hiểu cách ngôn ngữ hành chức và thực hành trong giáo dục ngôn ngữ. Mô hình chức năng, quan điểm dạy học ngôn ngữ qua ngữ cảnh và những kiến giải về thể loại/kiểu loại văn bản của Ngôn ngữ học chức năng hệ thống [13, 15, 16, 18] đã cung cấp cơ sở lí luận vững chắc cho việc xử lí mối quan hệ giữa dạy học kiến thức ngôn ngữ và dạy học đọc hiểu văn bản và xử lí hệ thống kiểu loại văn bản để thiết kế các yêu cầu cần đạt về viết. Ngoài ra, việc triển khai biên soạn SGK và dạy học các nội dung về đọc, viết chắc hẳn sẽ có được những gợi ý bổ ích từ cách tiếp cận của lí thuyết ngôn ngữ học này. Các CT, SGK, tài liệu của dạy học Ngữ văn của Hoa Kỳ cũng thể hiện xu hướng như vậy, nhưng tìm kiếm cơ sở lí luận cho những xử lí cụ thể thì Ngôn ngữ học chức năng hệ thống là một chỗ dựa đáng tin cậy, giúp giải quyết các vấn đề một cách hệ thống hơn.

4. NHỮNG KHÁC BIỆT CỦA CT NGỮ VĂN 2018 VÀ MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

a. CT Ngữ văn 2018 của Việt Nam, về cơ bản, được thiết kế theo các mạch Đọc, Viết, Nói và Nghe như CT của Hoa Kỳ. Tuy nhiên, có một số điều chỉnh, trong đó có việc thiết kế mạch Ngôn ngữ như một phần kiến thức mà HS cần nắm, cùng với Kiến thức về Văn học và Ngữ liệu tạo thành Nội dung dạy học. Việc tách riêng kiến thức về Ngôn ngữ và kiến thức về Văn học và coi đó như là nội dung dạy học (chất liệu, phương tiện, thể hiện bằng danh từ/ngữ danh từ) giúp HS phát triển các kĩ năng Đọc, Viết, Nói và Nghe (yêu cầu cần đạt, thể hiện bằng động từ/ngữ động từ) là một cách tổ chức CT khá đặc thù của Việt Nam. Do hệ thống kiến thức chỉ được thể hiện bằng các danh từ hay ngữ danh từ mà không thể hiện dưới dạng các ngữ động từ cho biết mức độ yêu cầu cần đạt, nên CT Ngữ văn 2018 chưa thể hiện được rõ mức độ yêu cầu đối với những kiến thức này. Kết quả là nội dung kiến thức Tiếng Việt trong SGK có thể sẽ được thiết kế theo những mức độ rất khác nhau. Trong khi đó thì kiến thức Văn học cũng được thiết kế thành một mạch riêng mặc dù nếu chỉ thể hiện dưới dạng các danh từ/danh ngữ thì mạch riêng này không cung cấp thêm nhiều thông tin cho nội dung CT vì kiến thức Văn học đã được thể hiện ngay trong các yêu cầu cần đạt về Đọc, Viết, Nói và Nghe có liên quan đến văn học. CT một số nước như Australia, Hàn Quốc,... có mạch Văn học riêng, nhưng được thiết kế dưới dạng yêu cầu cần đạt (diễn đạt bằng ngữ động từ). Còn CT Ngữ văn 2018, một mặt, "gộp chung" yêu cầu cần đạt về Văn học vào mạch Đọc, Viết, Nói và Nghe như các CT của Hoa Kỳ; mặt khác lại có mạch kiến thức Văn học riêng. Như vậy là có phần trùng lặp. Tuy thế, việc không thể hiện mạch kiến thức Văn học riêng trong CT (như các CT của Hoa Kỳ) chắc

hẳn sẽ gây tranh cãi; đối với nhiều người ở Việt Nam, cách xử lí này dễ tạo cảm giác coi nhẹ kiến thức văn học, điều rất khó được chấp nhận.

b. Ngoài 6 tác phẩm bắt buộc, CT Ngữ văn 2018 (khi chính thức được phê duyệt) còn quy định một số "mảng văn học" hay tác giả cần có tác phẩm được đưa vào nhà trường, trước hết là đưa vào SGK. Đây là kết quả của quá trình "thương lượng" giữa một bên muốn theo cách chỉ quy định một số ít văn bản bắt buộc, tạo độ mở lớn về ngữ liệu với một bên muốn các văn bản bắt buộc phải thể hiện được những thành tựu tiêu biểu của văn học Việt Nam qua các giai đoạn. Kết quả "thương lượng" này thể hiện cách giải quyết dung hòa giữa cách tiếp cận hướng đến mô hình CT mở với cách quy định cụ thể, chi tiết các tác phẩm văn học cần có trong CT ở các lớp như lâu nay. Có thể trong tương lai, khi việc áp dụng CT Ngữ văn mở trở nên quen thuộc, phổ biến thì độ mở của ngữ liệu có thể sẽ được tăng lên.

c. Hệ thống các yêu cầu cần đạt về viết trong CT Ngữ văn 2018 đã được thiết kế chi tiết và có tính hệ thống cao hơn nhiều CT Ngữ văn hiện hành [2]. Tuy nhiên, so với CT của các nước phát triển (đã đề cập đến ở trên) thì hệ thống các yêu cầu này cần phải được tiếp tục phát triển để thể hiện rõ hơn yêu cầu cần đạt đối với kĩ năng viết văn bản thuộc từng kiểu loại. Sự cụ thể hóa này giúp tác giả SGK, giáo viên và chuyên gia đánh giá có được những chỉ dẫn đầy đủ hơn để thiết kế các hoạt động dạy học, bài luyện tập và đề thi đánh giá kĩ năng viết. Mức độ cụ thể không cần phải đến mức như các rubric được thiết kế để chấm thi bài viết, nhưng có thể làm cơ sở cho việc thiết kế các rubric cho mỗi kiểu loại văn bản viết ở từng lớp, làm sao bảo đảm "đường phát triển" năng lực viết được tăng tiến từ thấp lên cao một cách hợp lí. Đây là một yêu cầu tương đối cao và khó trong bối cảnh xây dựng CT của Việt Nam hiện nay, nhưng cần được giải quyết trong quá trình phát triển để CT Ngữ văn của Việt Nam hội nhập hơn nữa với thế giới. Ngoài ra, phụ lục các bài làm của HS để minh họa cho mức độ cần đạt đối với từng yêu cầu cần đạt (chuẩn cần đạt) về kĩ năng viết như trong CT Ngữ văn của Hoa Kỳ và CT Ngữ văn của Australia cũng là một nội dung cần bổ sung, cập nhật sau khi CT Ngữ văn 2018 được vận hành khoảng vài năm.

5. KẾT LUẬN

CT Ngữ văn 2018 được xây dựng theo định hướng đổi mới chung của CT giáo dục phổ thông là chuyển mục tiêu giáo dục từ chú trọng cung cấp kiến thức sang giúp HS phát triển phẩm chất và năng lực. Việc vận dụng kinh nghiệm quốc tế đã giúp CT Ngữ văn 2018 đáp ứng được

về cơ bản yêu cầu đó. Đây là một thành quả rất có ý nghĩa của Việt Nam trong lĩnh vực xây dựng CT giáo dục phổ thông. Tuy vậy, bên cạnh phân tích, đánh giá thành quả đạt được, nhìn từ kinh nghiệm quốc tế, việc định hướng những gì cần được tiếp tục cập nhật, bổ sung là hết sức cần thiết. Những định hướng này sẽ đặt cơ sở cho việc phát triển CT giáo dục phổ thông mà Việt Nam cần thực hiện trong thời gian tới. Việc phát triển CT như vậy không có nghĩa là làm thay đổi hẳn CT Ngữ văn 2018 được ban hành mà chỉ là cập nhật, bổ sung để giúp CT ngày càng phù hợp hơn với xu thế phát triển CT của thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. ACARA, 2016. *The Australian Curriculum*, from <http://www.australianncculum.edu.au>
- [2]. Ministry of Education and Training, *Language Arts and Literature General Education Curriculum*. Hanoi, Vietnam, 2006 (in Vietnamese).
- [3]. Ministry of Education and Training, *Language Arts and Literature General Education Curriculum*. Hanoi, Vietnam, 2018 (in Vietnamese).
- [4]. Vietnam Institute of Educational Sciences, *National Language Education Curriculum, Ministry of Education, Korea* (Translation), Hanoi, Vietnam, 2015 (in Vietnamese).
- [5]. Bui Manh Hung, "Regarding the Orientation to Innovate the Language Arts and Literature Curriculum and Textbooks" in *Proceedings of the National Scientific Conference on Language Arts and Literature Teaching in Vietnamese High Schools*, Hue, 2013 (in Vietnamese).
- [6]. Bui Manh Hung, "The American common core state standards and their implications for the reform of the Vietnamese language and Literature curriculum," *Ho Chi Minh University of Education Journal of Science*, 45, 2013. (in Vietnamese).
- [7]. Bui Manh Hung, "An Outline of Competency-Based Curriculum of Vietnamese Language Arts and Literature," *Ho Chi Minh University of Education Journal of Science*, 56, 2014. (in Vietnamese).
- [8]. Bui Manh Hung, "Systemic Functional Linguistics: Application to Develop Language Arts and Literature Curriculum (Australian Experience and Suggestions for Vietnam)," *Journal of Language*, 10, 2016 (in Vietnamese).
- [9]. Bui Manh Hung, "Systemic Functional Linguistics: It's Application in Designing Vietnamese Language and Literature Textbooks," in book *"Vietnamese Studies in Vietnam and Germany - New Contributions to Vietnamese Linguistics"*, Thomas Engelbert (Editor), University of Hamburg, 2019.
- [10]. California Department of Education, *Reading/Language Arts Framework for California Public Schools - Kindergarten through Grade Twelve*. 2007.

- [11]. California Department of Education, *Common Core State Standards for English Language Arts & Literacy in History/Social Studies, Science, and Technical Subjects - Kindergarten through Grade Twelve*, 2013.
- [12]. Cho Jae Hyun, Bui Manh Hung, "Korean Language Arts and Literature Curriculum and Experience for Vietnam," *Journal of Language and Life*, 12(158), 2008 (in Vietnamese).
- [13]. Derewianka B., Jones P., *Teaching Language in Context*. Oxford: Oxford University Press, 2012.
- [14]. Korea's Ministry of Education and Human Resources Development, *Korean Language Curriculum*. 2007. <http://kice.re.kr/en/index.do>.
- [15]. Martin, J. & Rose, D., 2005. *Designing Literacy Pedagogy: Scaffolding Democracy in the Classroom*. In: Hasan, R., Matthiessen, C. M. I. M. and Webster, J. J. (eds) (2005). *Continuum Discourse on Language: A Functional Perspective* (Vol. 1). Longdon: Continuum.
- [16]. Martin J., Rose D., *Genre Relations: Mapping Culture*. London & Oakville: Equinox, 2008.
- [17]. Massachusetts, *English Language Arts and Literacy (Curriculum Framework)*, 2017.
- [18]. Rothery J., *Exploring Literacy in School English (Write it Right Resources for Literacy and Learning)*. Sydney: Metropolitan East Disadvantaged Schools Program, 1994.
- [19]. Texas Education Agency, *Texas Essential Knowledge and Skills for English Language Arts and Reading*. 2011.

AUTHOR INFORMATION

Bui Manh Hung

Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam